

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Ông Trương Khánh Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST - HNGĐ, ngày 26/4/2021 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐST - HNGĐ, ngày 03/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Đào Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: 143 đường L, thị trấn L, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Đào Văn L kết hôn năm 2010 trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn vợ chồng không ai có tài sản riêng gì. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống đã có những bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tuy nhiên đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Linh không giữ vững lập trường luôn nghe theo gia đình rồi kiểm soát chèn ép, gây ra nhiều áp lực cho tôi, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh L có 01 con chung Đào Duy K, sinh ngày 10/9/2011, hiện nay con chung đang ở với bố mẹ đẻ anh L. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, tôi yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tôi không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên không đề nghị gì.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Lời khai của bị đơn là anh Đào Văn L trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ tôi tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra đến năm 2014 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T thường xuyên đi làm ăn xa, ít liên lạc với tôi, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên lâu dần tình cảm vợ chồng không còn, từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị T làm đơn xin ly hôn tôi đồng ý vì tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Tôi và chị T có 01 con chung Đào Duy K, sinh ngày 10/9/2011, hiện nay con chung đang ở với bố mẹ đẻ tôi tại xã P, huyện Đại Từ, cháu hiện nay đang học lớp 4 Trường Tiểu học P, huyện Đại Từ. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tôi yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng tôi 2.000.000 đ/01 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Tôi và chị T không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên không đề nghị gì.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị T giao nộp gồm: 01 trích lục kết hôn (bản sao); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 giấy chứng minh nhân dân của chị T (bản sao); 01 giấy khai sinh của con chung (bản sao). Anh L giao nộp 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết việc xin ly hôn, về con chung chị thay đổi ý kiến, chị nhất trí đề nghị giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì chị cho rằng hiện nay chị đang làm Công nhân tại Công ty Eletex tại Hà Nội thu nhập khoảng 6.500.000 đ đến 7.000.000 đ/ 1 tháng chưa tăng ca, chị phải thuê nhà tại Hà Nội để đi làm, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị cho rằng phía anh L đề nghị cấp dưỡng là quá cao không đảm bảo với thu nhập và không phù hợp với thực tế, chị nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 1.500.000 đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Đào Văn L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 28, 143, 147, Điều 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung Đào Duy K, sinh ngày 10/9/2011 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 1.500.000 đ/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản, công sức đóng góp: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh L xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa án vì lý do đường xa, kinh tế khó khăn dịch bệnh, hạn chế đi lại nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Đào Văn L có hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Đào Văn L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn L kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía chị T cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống đã có những bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, tuy nhiên đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, anh L không giữ vững lập trường luôn nghe theo gia đình rồi kiểm soát chèn ép, gây ra nhiều áp lực cho chị, vợ

chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh L cho rằng sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do chị T thường xuyên đi làm ăn xa, ít liên lạc với anh, không quan tâm chăm lo cho gia đình nên lâu dần tình cảm vợ chồng không còn, từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay, nay chị T làm đơn xin ly hôn anh đồng ý vì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị T là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đào Văn L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết chị T và anh L cùng xác định vợ chồng có 01 con chung Đào Duy K, sinh ngày 10/9/2011, hiện nay con chung đang ở với bố mẹ đẻ anh L từ khi vợ chồng sống ly thân. Khi ly hôn cả chị T và anh L đều có nguyện vọng xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, tại phiên tòa chị T xin thay đổi ý kiến chị nhất trí đề nghị giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng vì chị cho rằng hiện nay chị đang làm Công nhân tại Công ty Eletex tại Hà Nội thu nhập khoảng 6.500.000 đ đến 7.000.000 đ/ 1 tháng, chị phải thuê nhà tại Hà Nội để đi làm nên sẽ gặp khó khăn về kinh tế, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị cho rằng phía anh L đề nghị cấp dưỡng 2.000.000 đ/ 1 tháng là quá cao không đảm bảo với thu nhập và không phù hợp với thực tế, chị nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 1.500.000 đ/1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Phía anh L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại bản khai và các ý kiến của anh xin được quyền trực tiếp nuôi con, anh yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 2.000.000 đ/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Đào Duy K vẫn ở với bố mẹ đẻ anh L từ khi vợ chồng sống ly thân, phía anh L vẫn gửi tiền về để bố mẹ đẻ anh trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng con chung, hơn nữa cháu K hiện nay đang học trường Tiểu học xã P, huyện Đại Từ ổn định từ khi vợ chồng sống ly thân, tại bản khai cháu có nguyện vọng xin được ở với anh L để tiếp tục đi học ổn định. Do đó xét yêu cầu xin được quyền trực tiếp nuôi con của anh L và xét nguyện vọng của cháu K và điều kiện thực tế để đảm bảo cuộc sống ổn định và tốt hơn cho cháu K nên cần giao con chung Đào Duy K, sinh ngày 10/9/2011 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi trừ trường hợp chị T, anh L có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết phía anh L yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 2.000.000 đ/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, tại phiên tòa anh xin vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên đề nghị việc yêu cầu chị T cấp dưỡng, tuy nhiên phía chị T cho rằng yêu cầu của anh L về việc cấp dưỡng nuôi con là cao, chị chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 1.500.000 đ/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của chị T về việc nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L là phù hợp do yêu cầu của anh L là quá cao, chưa phù hợp với thực tế địa bàn xã P, huyện Đại Từ và chưa phù hợp với thực tế thu nhập của chị T nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T là có căn cứ và buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 1.500.000 đ/ 1 tháng đến khi con chung trưởng thành, trừ trường hợp anh L, chị T có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm nom con chung chị T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị T và anh L cùng xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Phía chị T không đề nghị và không ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227, 228 và Điều 482 BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 BLDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Đào Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Duy K, sinh ngày 10/9/2011 cho anh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), trừ trường hợp chị T, anh L có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L 1.500.000 đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/1 tháng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị T, anh L có thỏa thuận khác hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm nom con chung: Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về tài sản và công sức đóng góp trong gia đình: Không xem xét.

4. Về án phí. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003719 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp Đ;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÀO NGỌC HÀI